IV. PHẨM TÂM THĂNG BẰNG
(*SAMACITTAVAGGA*)[24] (*A.* I. 62)

33. – Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ giảng cho các ông về địa vị bậc không phải chân nhân[25] và địa vị bậc chân nhân. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ giảng.

– Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, thế nào là địa vị bậc không phải chân nhân? Người không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, không biết ơn, không nhớ ơn. Đối với những người độc ác, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của kẻ không phải chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là không biết ơn, không nhớ ơn. Còn bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, là biết ơn, nhớ ơn. Đối với những thiện nhân, đây là đặc tánh của họ được biết đến, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn. Đây hoàn toàn là địa vị của bậc chân nhân, này các Tỷ-kheo, tức là biết ơn, nhớ ơn.

34. Có hai hạng người, này các Tỷ-kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỷ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm, cho đến trăm tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỷ-kheo, nếu có an trí mẹ cha vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỷ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ cho mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỷ-kheo, mẹ cha đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.[26] Nhưng này các Tỷ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ cho mẹ và cha.[27]

---

[24] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.5. 0600a05).

[25] *AA*. II. 121: *Asappurisabhūmīti asappurisānaṃ patiṭṭhānaṭṭhānaṃ* ("Địa vị bậc không phải chân nhân" tức nói đến nơi chốn, vị trí của người không phải bậc chân nhân).

[26] *Dassetāro*. Xem *A*. I. 132.

[27] Tham chiếu: *Tăng*. 增 (*T*.02. 0125.20.11. 0601a10).

35. Rồi một Bà-la-môn đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên với Thế Tôn những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn ấy nói với Thế Tôn:

– Tôn giả Gotama đã nói gì, đã thuyết gì?

– Này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động.

– Như thế nào, Tôn giả Gotama thuyết về hành động và thuyết về không hành động?

– Ta thuyết về không hành động, này Bà-la-môn, đối với thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Ta thuyết không hành động đối với nhiều loại pháp ác, bất thiện. Ta thuyết hành động, này Bà-la-môn, đối với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện. Ta thuyết hành động đối với nhiều loại pháp thiện. Như vậy, này Bà-la-môn, Ta thuyết về hành động và Ta thuyết về không hành động.

– Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Gotama! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc; cũng vậy, pháp được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

36. Rồi gia chủ Anāthapiṇḍika đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, gia chủ Anāthapiṇḍika bạch Thế Tôn:

– Có bao nhiêu người, bạch Thế Tôn, đáng được cúng dường ở đời? Và chỗ nào cần phải bố thí cúng dường?

– Có hai hạng người, này gia chủ, đáng được cúng dường ở đời: Hữu học và Vô học.[28] Đối với hai hạng người này, đáng được cúng dường ở đời, này gia chủ, ở đây cần phải bố thí cúng dường.

Thế Tôn thuyết như vậy. Thiện Thệ nói như vậy xong, bậc Đạo sư lại nói thêm:

Hữu học và Vô học,
Cả hai ở trong đời,
Đều đáng được cúng dường,
Đối với người dâng lễ.
Họ giữ thân chánh trực,
Cả lời nói ý nghĩ,

[28] Xem *Pug.* 22. Hạng đầu là hạng đã đoạn tận 5 hạ phần kiết sử ở dục giới. Hạng thứ hai là hạng đã đoạn tận 5 thượng phần kiết sử ở sắc giới và vô sắc giới.

Phước điền người dâng cúng,
Đây thí có quả lớn.[29]

37. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở tại Sāvatthi, Thắng Lâm, khu vườn ông Anāthapiṇḍika. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta trú ở Sāvatthi, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra. Tại đấy, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Này chư Hiền Tỷ-kheo!

– Thưa Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, tôi sẽ giảng về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hãy nghe và khéo tác ý, tôi sẽ nói.

– Thưa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Này chư Hiền, thế nào là người bị nội kiết sử trói buộc? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn (*Pātimokkha*), đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy trở lui lại làm người, trở lại thế giới này. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị nội kiết sử trói buộc, người trở lui, trở lại trạng thái này.[30]

Này chư Hiền, thế nào là người bị ngoại kiết sử trói buộc? Ở đây, này chư Hiền, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy chứng đạt và an trú an tịnh tâm giải thoát. Sau khi thân hoại mệnh chung, vị ấy sanh vào một trong các thiên giới. Sau khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa.

Lại nữa, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có giới hạnh, sống hộ trì với sự hộ trì của Giới bổn, đầy đủ uy nghi chánh hạnh, thấy sợ hãi trong những lỗi nhỏ nhặt, chấp nhận và học tập trong các học giới. Vị ấy thực hiện sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt các dục vọng. Vị ấy thực hiện sự yểm ly, ly tham, đoạn diệt các hữu.[31] Vị ấy thực hiện sự đoạn diệt khát ái. Vị ấy thực hiện sự đoạn diệt tham. Vị ấy, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh vào một trong các thiên giới.[32] Sau

[29] Tham chiếu: *Phước điền kinh* 福田經 (*T*.01 0026.127. 0616a05); *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.992. 0258c11).

[30] *Itthattaṃ ithabhāvaṃ*: Trong trường hợp này không có nghĩa là "như vậy" mà là chỉ cho "đời này". Xem *A*. II. 160; *AA*. II. 265; *KS*. I. 318.

[31] Cả dục giới, sắc giới và vô sắc giới.

[32] *Chú giải*: Cảnh giới Tịnh Cư thiên.

khi từ chỗ ấy mệnh chung, vị ấy không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa. Vị này, này chư Hiền, được gọi là người bị ngoại kiết sử trói buộc, không còn trở lui, không còn trở lại đời này nữa.

Rồi một số đông chư thiên với tâm thăng bằng[33] đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi đứng một bên. Đứng một bên, chư thiên ấy bạch Thế Tôn:

– Tôn giả Sāriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ, bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến Tôn giả Sāriputta.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Rồi Thế Tôn, như người lực sĩ duỗi cánh tay đang co lại, hay co lại cánh tay đang duỗi ra, biến mất ở Thắng Lâm, hiện ra tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, trước mặt Tôn giả Sāriputta. Thế Tôn ngồi xuống trên chỗ đã soạn sẵn. Tôn giả Sāriputta đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sāriputta đang ngồi một bên:

– Ở đây, này Sāriputta, có một số đông chư thiên, với tâm thăng bằng, đi đến Ta; sau khi đến, đảnh lễ Ta rồi đứng một bên. Đứng một bên, chư thiên ấy thưa với Ta: "Tôn giả Sāriputta này, bạch Thế Tôn, tại Đông Viên, nơi lâu đài của mẹ Migāra, thuyết pháp về người bị nội kiết sử trói buộc và người bị ngoại kiết sử trói buộc. Hội chúng rất hoan hỷ, bạch Thế Tôn. Lành thay! Bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn vì lòng từ mẫn đi đến Tôn giả Sāriputta." Này Sāriputta, chư thiên ấy tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không có chen lấn nhau. Này Sāriputta, ông có thể nghĩ như sau: "Chắc chắn, tại chỗ kia[34] [trên thiên giới] chư thiên ấy đã tu tập, nhờ vậy, chư thiên ấy, tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không có chen lấn nhau." Này Sāriputta, ông chớ có thấy như vậy. Chính tại đây, này Sāriputta, chư thiên ấy đã tu tập tâm, nhờ vậy, chư thiên ấy tuy con số đến mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, sáu mươi, nhưng cùng đứng chỉ trong khoảng trống đầu một cây kim, không chen lấn nhau. Do vậy, này Sāriputta, cần phải học tập như sau: "Chúng tôi sẽ có các căn an tịnh, các ý an tịnh." Này Sāriputta, cần phải học tập như vậy. Với những ai có các căn an tịnh, này Sāriputta, với những ai có các ý an tịnh, thời thân nghiệp cũng sẽ được an tịnh, khẩu nghiệp được an tịnh, ý nghiệp được an tịnh. "Chúng ta sẽ đem tặng cho các vị đồng Phạm hạnh một quà tặng an tịnh", này Sāriputta, các ông cần phải học tập như vậy. Các du sĩ ngoại đạo nào, này Sāriputta, không được nghe pháp môn này, họ sẽ bị thiệt hại.[35]

---

[33] *AA*. II. 136: *Samacittā devatāti cittassa sukhumabhāvasamatāya samacittā* ("Chư thiên với tâm thăng bằng" nghĩa là tâm như nhau, tâm bình đẳng). Bản tiếng Anh của PTS viết: *They were not 'born so' but had created an appearance resembling their state of mind*, nghĩa là *họ không được sinh ra như vậy nhưng hình thức bên ngoài được tạo ra tương ứng với trạng thái tâm của họ* (*GS*. I. 63).

[34] *Tattha* trong trường hợp này nghĩa là phải tu tập ngay trong đời hiện tại.

[35] Tham chiếu: *Đẳng tâm kinh* 等心經 (*T*.01. 0026.21. 0448c16).

38. Như vầy tôi nghe.

Một thời, Tôn giả Mahākaccāna ở tại Varaṇā, trên bờ sông Kaddamadaha. Rồi Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Mahākaccāna, do duyên gì các người Sát-đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ, các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn, các gia chủ tranh chấp với các gia chủ?

– Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc, do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước (*ajjhosāna*) bởi các dục tham, này Bà-la-môn, nên các người Sát-đế-lỵ tranh chấp với các người Sát-đế-lỵ, các người Bà-la-môn tranh chấp với các người Bà-la-môn, các người gia chủ tranh chấp với các người gia chủ.

– Do nhân gì, thưa Tôn giả Mahākaccāna, do duyên gì các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn?

– Do nhân thiên chấp, do bị trói buộc, do bị đắm say, do bị xâm chiếm, do bị đắm trước bởi các kiến tham, này Bà-la-môn, nên các Sa-môn tranh chấp với các Sa-môn.

– Nhưng thưa Tôn giả Kaccāna, có người nào ở đời có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này?

– Có người ở đời này, này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Vị ấy là ai, này Bà-la-môn, có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; có thể vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này?

Ở quốc độ phương Đông, này Bà-la-môn, có một thành phố tên là Sāvatthi. Tại đấy, Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác nay đang cư trú. Vị Thế Tôn ấy, này Bà-la-môn, đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Ārāmadaṇḍa từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, đầu gối phía hữu quỳ trên đất, chắp tay hướng về phía Thế Tôn và nói lên ba lần lời cảm hứng như sau:

– Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Kính lễ Thế Tôn ấy, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác! Vị Thế Tôn ấy đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm

chiếm, sự đắm trước bởi các dục tham này; đã vượt qua thiên chấp, sự trói buộc, sự đắm say, sự xâm chiếm, sự đắm trước bởi các kiến tham này.

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccāna! Thật hy hữu thay, thưa Tôn giả Kaccāna! Như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, thưa Tôn giả Kaccāna, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, hay đem đèn vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc, cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Kaccāna dùng nhiều pháp môn để giải thích. Thưa Tôn giả Kaccāna, con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y chúng Tỷ-kheo! Mong Tôn giả Kaccāna chấp nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.[36]

39. Một thời, Tôn giả Mahākaccāna trú ở Madhurā, tại rừng Gundā. Rồi Bà-la-môn Kaṇḍarāyana đi đến Tôn giả Mahākaccāna; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu; sau khi nói lên với Tôn giả Mahākaccāna những lời chào đón hỏi thăm thân hữu rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Bà-la-môn Kaṇḍarāyana thưa với Tôn giả Mahākaccāna:

– Tôi có nghe như sau, thưa Tôn giả Kaccāna: "Sa-môn Kaccāna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời." Thưa Tôn giả Kaccāna, có phải sự tình là như vậy không? Nếu Tôn giả Kaccāna không kính lễ, không đứng dậy, không lấy ghế mời ngồi các bậc Bà-la-môn già cả, trưởng lão, các bậc trưởng thượng đã đi quá nửa cuộc đời, đã đạt mức cuối tuổi đời, sự tình như vậy, thưa Tôn giả Kaccāna, là không được tốt đẹp.

– Này Bà-la-môn, có Thế Tôn, bậc Tri Giả, bậc Kiến Giả, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác đã tuyên bố về địa vị của tuổi trưởng lão và về địa vị của tuổi trẻ. Vị trưởng lão, này Bà-la-môn, tám mươi tuổi hay chín mươi tuổi, hay một trăm tuổi đời, nếu vị ấy thọ hưởng các dục vọng, sống giữa các dục vọng, bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng, cố gắng tìm cầu các dục vọng; người như vậy được gọi là kẻ ngu, không phải là bậc trưởng lão. Dầu cho, này Bà-la-môn, một người còn trẻ, một thanh niên trẻ trung với tóc đen nhánh, đầy đủ tuổi trẻ hiền thiện trong thời sơ khởi của tuổi đời, mà người ấy không hưởng thọ các dục vọng, không sống giữa các dục vọng, không bị đốt cháy bởi lửa nhiệt não của dục vọng, không bị nhai nghiến bởi các tầm tư dục vọng, không cố gắng tìm cầu các dục vọng; người như vậy được gọi là bậc có trí, bậc trưởng lão.

Được nghe nói vậy, Bà-la-môn Kaṇḍarāyana từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân các Tỷ-kheo còn trẻ tuổi và nói:

– Trưởng lão là chư Tôn giả, đã đứng trên địa vị trưởng lão. Trẻ tuổi là chúng con, đã đứng trên địa vị trẻ tuổi.

---

[36] Tham chiếu: *Tạp.* 雜 (*T*.02. 0099.546. 0141b22).

Thật vi diệu thay, thưa Tôn giả Kaccāna... Mong Tôn giả Kaccāna chấp nhận con làm cư sĩ, từ nay cho đến mệnh chung, con trọn đời quy ngưỡng.

40. – Khi nào, này các Tỷ-kheo, các người ăn trộm cường mạnh trong khi các vua chúa yếu đuối, trong khi ấy, thật không an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra, đi quan sát (*anusaññātuṃ*) các biên cương. Và trong khi ấy, thật không an toàn cho các Bà-la-môn, các gia chủ để đi qua lại, đi ra, đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các ác Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các thuần tịnh Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, các Tỷ-kheo thuần tịnh giữ thái độ im lặng hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo, hoặc đi đến các quốc độ biên địa. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là bất hạnh cho đa số, là bất lạc cho đa số, là bất lợi cho đa số, là bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người.

Khi nào, này các Tỷ-kheo, các vua chúa cường mạnh trong khi các trộm cướp yếu đuối, trong khi ấy, thật an toàn cho các vua chúa để đi qua lại, đi ra, đi quan sát các biên cương. Và trong khi ấy, thật an toàn cho các Bà-la-môn, các gia chủ để đi qua lại, đi ra, đi giám sát các công việc làm ở ngoài. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, khi nào các thuần tịnh Tỷ-kheo cường mạnh trong khi các ác Tỷ-kheo yếu đuối, trong khi ấy, này các Tỷ-kheo, các ác Tỷ-kheo giữ thái độ im lặng, hoặc ẩn mình giữa chúng Tỷ-kheo, hoặc đi các chỗ khác. Và như vậy, này các Tỷ-kheo, là hạnh phúc cho đa số, là an lạc cho đa số, là lợi ích cho đa số, là hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người.

41. Ta không tán thán hai loại tà hạnh, này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia.[37] Người gia chủ hay người xuất gia theo tà hạnh, này các Tỷ-kheo, do nhân duyên tà hạnh, không thể đem lại chánh lý, thiện pháp.

Ta tán thán hai loại chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, ở người gia chủ hay ở người xuất gia. Người gia chủ hay người xuất gia theo chánh hạnh, này các Tỷ-kheo, do nhân duyên chánh hạnh, có thể đem lại chánh lý, thiện pháp.

42. Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, chặn đứng cả văn và nghĩa bằng cách nắm giữ sai lạc các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về bất hạnh cho đa số, bất lạc cho đa số, bất lợi cho đa số, bất hạnh, đau khổ cho chư thiên và loài người. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều điều vô phước và khiến cho Diệu pháp biến mất.

Những Tỷ-kheo nào, này các Tỷ-kheo, tùy thuận cả văn và nghĩa bằng cách nắm giữ đúng đắn các kinh điển và những văn tự thích ứng, thì những Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chịu trách nhiệm về hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, lợi ích cho đa số, hạnh phúc, an lạc cho chư thiên và loài người. Ngoài ra, các Tỷ-kheo ấy, này các Tỷ-kheo, chất chứa nhiều phước đức và khiến cho Diệu pháp được an trú.

---

[37] Xem *M.* II. 197.